

2. Nghiên cứu khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự.

4. Hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp quân sự.

Điều 4.- Tổ chức biên chế của Học viện Quốc phòng và lưu lượng đào tạo giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác định.

Điều 5.- Địa điểm của Học viện Quốc phòng đặt tại Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ xác định trong Thông báo số 159-TB ngày 26 tháng 11 năm 1994.

Điều 6.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 7.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 189-CP ngày 23-12-1994 hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Phá sản doanh nghiệp ngày 30 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

I. VỀ PHẠM VI ÁP DỤNG LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 1. -

1. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Luật Phá sản doanh nghiệp bao gồm:

- a) Doanh nghiệp Nhà nước;
- b) Doanh nghiệp của tổ chức chính trị xã hội;
- c) Doanh nghiệp tư nhân;
- d) Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- d) Công ty cổ phần;
- e) Doanh nghiệp có một phần vốn đầu tư nước ngoài;
- g) Doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài;
- h) Hợp tác xã.

2. Cá nhân, nhóm kinh doanh được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) không thuộc phạm vi áp dụng của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Điều 2.- Việc giải quyết phá sản đối với các doanh nghiệp có một phần vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài phải được thực hiện theo Luật Phá sản doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn cụ thể việc giải quyết phá sản phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp loại này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia hoặc ký kết có quy định khác.

II. VỀ CĂN CỨ ĐỂ XEM XÉT DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

Điều 3.-

1. Doanh nghiệp được coi là có dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản nói tại Điều 2 của Luật Phá sản doanh nghiệp, nếu kinh doanh bị thua lỗ trong hai năm liên tiếp đến mức không trả được các khoản nợ đến hạn, không trả đủ lương cho người lao động theo thỏa ước lao động và hợp đồng lao động trong ba tháng liên tiếp.

2. Khi xuất hiện dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản như nói tại Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết như sau để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn:

- a) Có phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- b) Có biện pháp xử lý hàng hóa, sản phẩm, vật tư tồn đọng;
- c) Thu hồi các khoản nợ và tài sản bị chiếm dụng;

d) Thương lượng với các chủ nợ để hoãn nợ, mua nợ, bảo lãnh nợ, giảm, xóa nợ;

đ) Tìm kiếm các khoản tài trợ và các khoản vay để trang trải các khoản nợ đến hạn và đầu tư đổi mới công nghệ.

3. Sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết nói tại Khoản 2 Điều này, mà vẫn gặp khó khăn, không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng phá sản và phải được xử lý theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp, Nghị định này.

III. VỀ VIỆC THI HÀNH LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG QUAN TRỌNG

Điều 4.-

1. Các doanh nghiệp được xem xét để công nhận là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng phải là những doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực, ngành sau đây:

- a) Sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trạng bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; các doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng tại các địa bàn chiến lược quan trọng;
- b) Kinh doanh tài chính, tiền tệ và kinh doanh bảo hiểm;
- c) Sản xuất, cung ứng điện;
- d) Giao thông, công chính đô thị;
- đ) Vận tải đường sắt, vận tải hàng không;
- e) Thông tin viễn thông;
- g) Quản lý và khai thác các công trình thủy lợi;
- h) Quản lý và xây dựng các vùng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ quốc gia trọng điểm.

2. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, lập và công bố danh mục các doanh nghiệp cụ thể nói tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5.-

1. Trong trường hợp doanh nghiệp nói tại Điều 4 của Nghị định này lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải báo cáo ngay bằng

văn bản cho cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp. Báo cáo phải nêu rõ lý do, thực trạng tài chính và các biện pháp đã áp dụng để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp phải xem xét, quyết định các biện pháp cần thiết nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp vượt quá khả năng của mình thì Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp phải báo cáo để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các biện pháp hỗ trợ hay không hỗ trợ doanh nghiệp đó.

Điều 6.-

1. Tòa án chỉ ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng nói tại Điều 4 của Nghị định này sau khi đã nhận được văn bản của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Thủ trưởng cơ quan Nhà nước đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp về việc không áp dụng biện pháp cần thiết phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp đó.

2. Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì thủ tục giải quyết phá sản đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng được tiến hành theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp. Nghị định này và các văn bản pháp quy khác liên quan đến việc giải quyết phá sản doanh nghiệp.

IV. VỀ ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 7.-

1. Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản bao gồm đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.

2. Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội có Hội đồng quản lý; Giám đốc

hoặc Tổng Giám đốc đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội không có Hội đồng quản lý;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn có 12 thành viên trở lên. Trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không thành lập Hội đồng quản trị thì đại diện theo pháp luật là người được phân công quản lý công ty và được ghi trong Điều lệ của công ty;

c) Chủ nhiệm hợp tác xã đối với các hợp tác xã.

3. Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nói tại Khoản 2 Điều này có thể ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ nhiệm tham gia qua trình giải quyết việc phá sản doanh nghiệp. Giấy ủy quyền phải xác định rõ phạm vi ủy quyền cho người đại diện.

4. Chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài, nơi không thành lập Hội đồng quản trị phải trực tiếp tham gia quá trình giải quyết việc phá sản doanh nghiệp; nếu có lý do chính đáng, thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp.

V. VỀ VIỆC THAM GIA CỦA CÔNG ĐOÀN TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 8.-

1. Đại diện công đoàn doanh nghiệp tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp là Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn hoặc người được Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn ủy quyền bằng văn bản.

2. Đại diện công đoàn doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ trong quá trình tham gia giải quyết phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp và Nghị định này.

Điều 9.- Đại diện công đoàn nộp đơn yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp khi có đủ hai điều kiện sau đây:

1. Doanh nghiệp không trả đủ lương cho người lao động theo thỏa ước lao động và hợp đồng lao động trong ba tháng liên tiếp;

2. Có nghị quyết của công đoàn yêu cầu giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

VI. VỀ HỒ SƠ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC TUYÊN BỐ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 10.- Chủ nợ khi gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 của Luật Phá sản doanh nghiệp, phải gửi kèm theo các tài liệu sau đây để chứng minh các khoản nợ:

1. Bản sao giấy đòi nợ đến hạn;

2. Các tài liệu liên quan đến việc giải quyết tranh chấp các khoản nợ;

3. Các tài liệu chứng minh tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp không thanh toán được, cụ thể là:

a) Đối với các khoản nợ đi vay là các văn bản nhân nợ và các giấy tờ chứng minh số nợ đã đến hạn nhưng chưa được trả cho chủ nợ;

b) Đối với các khoản nợ phát sinh trong hoạt động kinh doanh là các hợp đồng trao đổi, mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ kèm theo hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ và các giấy tờ chứng minh số nợ trên đã đến hạn trả nhưng chưa được thanh toán;

c) Đối với các khoản nợ cho thuê tài sản là các hợp đồng cho thuê, biên bản bàn giao tài sản và các giấy tờ chứng minh số tiền liên quan đến việc thuê tài sản đã đến hạn trả mà doanh nghiệp chưa trả;

d) Đối với các khoản nợ thuế, nợ ngân sách khác là giấy báo nộp thuế và các chứng từ mà theo đó doanh nghiệp có nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước;

đ) Đối với các khoản nợ tiền lương, trợ cấp thôi việc, tiền bảo hiểm xã hội và các lợi ích khác của người lao động là hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, bảng chấm công, bản nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ, bản thanh toán tiền lương hoặc tiền công, các chứng từ chi bảo hiểm xã hội và các chứng từ có liên quan đến các lợi ích khác của người lao động;

e) Đối với các khoản nợ khác là bản đối chiếu nợ giữa chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ.

4. Các tài liệu khác nếu thấy cần thiết.

Điều 11.- Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, nơi không thành lập Hội đồng quản trị khi nộp đơn yêu cầu giải quyết việc

tuyên bố phá sản theo quy định tại Điều 9 của Luật Phá sản doanh nghiệp phải gửi kèm theo đơn các tài liệu sau đây:

1. Danh sách chủ nợ, trong đó ghi rõ địa chỉ, số nợ phải trả cho từng chủ nợ, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn, nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần, nợ không có bảo đảm;

2. Báo cáo tình hình kinh doanh sáu (6) tháng trước khi mất khả năng thanh toán nợ đến hạn;

3. Báo cáo quyết toán và thuyết trình chi tiết tình hình tài chính hai (2) năm cuối cùng hoặc từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động chưa đủ hai năm. Báo cáo phải được Cơ quan Kiểm toán xác nhận. Đối với doanh nghiệp Nhà nước còn phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo về các biện pháp tài chính doanh nghiệp đã áp dụng để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn;

5. Bản tường trình về trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng quản trị, của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp;

6. Bản sao các tài liệu kế toán, gồm: sổ tổng hợp; bảng kê chi tiết tài sản, vật tư, hàng hóa; sổ theo dõi công nợ; sổ theo dõi tạm ứng và các sổ sách kế toán khác có liên quan theo yêu cầu của Tòa án;

7. Các tài liệu khác nếu thấy cần thiết.

Điều 12. - Ngoài những nội dung quy định tại Điều 11 của Nghị định này, đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, nơi không thành lập Hội đồng quản trị khi nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp còn phải gửi cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh báo cáo về khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tiền mặt, số dư tại các tài khoản tiền gửi (tiền Việt Nam và ngoại tệ), trị giá vàng, bạc, đá quý và trị giá toàn bộ giấy tờ có khả năng thanh toán của doanh nghiệp;

2. Bảng kê chủng loại, số lượng, giá trị theo sổ sách kế toán và dự tính theo giá thị trường của loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho, hàng hóa đang vận chuyển, trong đó ghi rõ giá trị vật tư, sản phẩm, hàng hóa cơ khả năng tiêu thụ; vật tư, sản phẩm, hàng hóa được dùng làm vật bảo đảm, thế chấp; trị giá vật tư, sản phẩm, dịch vụ dở dang có khả năng tiêu thụ, thanh toán được;

3. Giá trị tài sản cố định còn lại theo giá hạch toán và dự tính theo giá thị trường, trong đó ghi rõ số tài sản được dùng để bảo đảm, thế chấp; trị giá các công trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành, trong đó ghi rõ số tiền cơ khả năng thu hồi do bán các công trình đó;

4. Tài sản, tiền vốn tham gia hợp tác, liên doanh, trong đó ghi rõ số vốn cơ khả năng thu hồi;

5. Danh sách người mắc nợ doanh nghiệp, trong đó ghi rõ địa chỉ, số nợ phải thu của từng người mắc nợ, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn, nợ có khả năng thu hồi;

6. Giá trị về quyền tài sản dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.

VII. VỀ VIỆC THỰC HIỆN HÒA GIẢI VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC LẠI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 13. - Phương án hòa giải và giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quy định tại Điều 20 của Luật Phá sản doanh nghiệp bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Kiến nghị hoãn nợ, giảm nợ, xóa nợ, mua đứt, bảo lãnh nợ và các biện pháp khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp; cam kết của doanh nghiệp mắc nợ về thời hạn, mức và phương thức thanh toán nợ đến hạn;

2. Các biện pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm các biện pháp tái cấu trúc lại bộ máy, sắp xếp lại lao động, cải tiến quản lý, hoàn thiện, đổi mới công nghệ và các biện pháp cần thiết khác nhằm khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp. Từng biện pháp phải có thời hạn, kế hoạch thực hiện cụ thể;

3. Phương án hòa giải và các giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản và có chữ ký của đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài không thành lập Hội đồng quản trị.

Điều 14. - Trong thời gian thực hiện phương án hòa giải và các biện pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mắc nợ có trách nhiệm:

1. Thực hiện phương án hòa giải và các biện pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh

ng nghiệp theo đúng thời gian và kế hoạch đã được cam kết;

2. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thẩm phán phụ trách việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Thẩm phán) và chủ nợ về tình hình, kết quả thực hiện phương án hòa giải, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Đề nghị Tòa án tuyên bố phá sản, nếu xét thấy không thể thực hiện được phương án hòa giải và các giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

VIII. VỀ VIỆC PHÁ SẢN VÌ LÝ DO BẤT KHẢ KHÁNG

Điều 15. - Doanh nghiệp phá sản vì lý do bất khả kháng là doanh nghiệp bị phá sản do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn không do mình gây ra hoặc do ảnh hưởng trực tiếp của việc phá sản của các doanh nghiệp khác mà chủ doanh nghiệp hoặc người điều hành doanh nghiệp không thể lường trước hoặc tuy đã biết trước và đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhưng không thể khắc phục được.

Điều 16.-

1. Việc phá sản vì lý do bất khả kháng phải được ghi rõ trong quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng có thể được giữ các chức vụ đó ở các doanh nghiệp khác như quy định tại Điều 50 Luật Phá sản doanh nghiệp.

IX. VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 17. - Trước khi ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, Chánh tòa Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh yêu cầu các cơ quan có liên quan cử người có đủ năng lực, độc lập về kinh tế và pháp lý với các chủ nợ và doanh nghiệp mắc nợ tham gia Tổ quản lý tài sản.

1. Thành phần Tổ quản lý tài sản gồm:

a) Một cán bộ Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh làm Tổ trưởng, do Chánh tòa Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh phân công;

b) Một chấp hành viên Phòng Thi hành án, do Trưởng Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp cử;

c) Chủ nợ có số nợ nhiều nhất; trong trường hợp có nhiều chủ nợ có số nợ nhiều nhất ngang nhau thì Chánh tòa Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh chọn một số chủ nợ cho đến khi hội nghị chủ nợ cử người đại diện cho các chủ nợ;

d) Một đại diện của doanh nghiệp mắc nợ, do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài nơi không thành lập Hội đồng quản trị cử;

đ) Một đại diện công đoàn doanh nghiệp;

e) Một đại diện Sở Tài chính, do Giám đốc Sở Tài chính cử;

g) Một đại diện Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, do Giám đốc Ngân hàng cử.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Chánh tòa Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thể mời thêm một số chuyên gia khác tham gia Tổ quản lý tài sản.

3. Một người có thể được chỉ định cùng một lúc tham gia tối đa ba Tổ quản lý tài sản. Người được chỉ định tham gia Tổ quản lý tài sản có quyền từ chối sự chỉ định đó, nếu có lý do chính đáng.

4. Tổ quản lý tài sản làm việc theo sự điều hành của Tổ trưởng Tổ quản lý tài sản và chịu sự giám sát của Thẩm phán.

Điều 18.-

1. Hội nghị chủ nợ có quyền chọn người đại diện của mình tham gia Tổ quản lý tài sản để thay thế người đã được Chánh tòa Tòa kinh tế chỉ định. Chánh tòa Tòa kinh tế có thể không chấp nhận sự lựa chọn của hội nghị chủ nợ, nếu có lý do chính đáng. Trong trường hợp đó, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo không chấp nhận của Chánh tòa Tòa kinh tế, hội nghị chủ nợ phải chọn người đại diện khác thay thế.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh là người quyết định cuối cùng về mọi khiếu nại có liên quan đến việc chọn đại diện chủ nợ tham gia Tổ quản lý tài sản.

Điều 19. -

1. Tổ quản lý tài sản có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp từ khi có quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đến khi có quyết định tuyên bố phá sản, cụ thể là:

a) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định nói tại Khoản 2 Điều 18 và Điều 23 của Luật Phá sản doanh nghiệp;

b) Kiểm tra, giám sát việc ký kết, thực hiện hợp đồng của doanh nghiệp;

c) Giám sát, kiểm tra việc tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

2. Tổ trưởng Tổ quản lý tài sản có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định buộc doanh nghiệp thực hiện hoặc không được thực hiện một số hành vi nhằm bảo toàn tài sản của doanh nghiệp.

Điều 20. -

1. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Tổ quản lý tài sản phải lập xong bảng kê toàn bộ tài sản, bảng cân đối tài sản, danh sách chủ nợ và danh sách người mắc nợ của doanh nghiệp.

2. Bảng kê tài sản và bảng cân đối tài sản phải ghi rõ các loại tài sản, nếu tài sản là đồ vật thì phải được ghi rõ tên, tình trạng và được định giá.

3. Danh sách chủ nợ và danh sách người mắc nợ phải bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ chủ nợ và người mắc nợ doanh nghiệp;

b) Số nợ của từng chủ nợ và của từng người mắc nợ doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn và nợ chưa đến hạn. Đối với danh sách người mắc nợ doanh nghiệp, còn phải ghi rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi.

Điều 21. -

1. Tổ quản lý tài sản có nhiệm vụ niêm yết danh sách chủ nợ và danh sách người mắc nợ doanh nghiệp tại trụ sở, các chi nhánh của doanh nghiệp và trụ sở Tòa án giải quyết việc phá sản doanh nghiệp;

2. Sau mười (10) ngày, kể từ ngày niêm yết, Tổ quản lý tài sản có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung danh sách chủ nợ và những người mắc nợ theo quyết định Thẩm phán và khóa sổ các danh sách đó.

Điều 22. - Sau khi lập xong bảng kê tài sản nói tại Điều 20 của Nghị định này, Tổ quản lý tài sản đối chiếu số tài sản hiện có với tổng số nợ doanh nghiệp phải trả; xây dựng phương án phân chia tài sản, dự kiến kế hoạch trả nợ để Thẩm phán xem xét quyết định.

Điều 23. - Kể từ thời điểm Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản, doanh nghiệp mất quyền quản lý tài sản. Tổ quản lý tài sản thực hiện việc bảo quản tài sản của doanh nghiệp cho đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho Tổ thanh toán tài sản.

Điều 24. - Chậm nhất là năm (5) ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Tổ thanh toán tài sản, Tổ quản lý tài sản phải bàn giao toàn bộ tài sản, tài liệu, giấy tờ đang quản lý cho Tổ thanh toán tài sản.

Điều 25. - Tổ trưởng và nhân viên Tổ quản lý tài sản, tùy tính chất và mức độ vi phạm trong các trường hợp sau đây, có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường:

1. Lập bảng kê tài sản không đúng tình hình thực tế;

2. Lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ sai sự thật;

3. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc quản lý tài sản của doanh nghiệp;

4. Để thất thoát tài sản của doanh nghiệp mắc nợ.

X. VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ THANH TOÁN TÀI SẢN

Điều 26. - Chậm nhất là năm (5) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố phá sản, Trưởng Phòng Thi hành án phải ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Điều 27. - Chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày có quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản, Trưởng Phòng Thi hành án phải ra quyết định thành lập Tổ thanh toán tài sản. Quyết định thành lập Tổ thanh toán tài sản phải ghi rõ họ, tên, nghề nghiệp, chức vụ, cơ quan đang công tác của Tổ trưởng, Tổ phó và các nhân viên khác; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân viên, trong đó có kế toán, thủ quỹ, thủ kho.

Điều 28. -

1. Thành phần Tổ thanh toán tài sản gồm:

a) Chất hành viên làm Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản và một cán bộ của Phòng Thi hành án thuộc Sở Tư pháp do Trưởng Phòng Thi hành án cử;

b) Một đại diện Sở Tài chính, do Giám đốc Sở Tài chính cử;

c) Một đại diện Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh do Giám đốc Ngân hàng đó cử;

d) Một đại diện chủ nợ là người đã tham gia Tổ quản lý tài sản, nếu quá nửa số chủ nợ không yêu cầu thay thế;

e) Một đại diện công đoàn doanh nghiệp;

e) Một đại diện doanh nghiệp bị phá sản do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài, nơi không thành lập Hội đồng quản trị cử.

2. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có thể mời thêm một số cán bộ tham gia vào các hoạt động có liên quan đến việc thanh toán tài sản.

Điều 29. - Khi thành lập Tổ thanh toán tài sản, Trưởng Phòng Thi hành án có quyền:

1. Yêu cầu các cơ quan có liên quan cử người thay thế, nếu thấy người đã được cử có thể không khách quan hoặc không đủ năng lực thi hành nhiệm vụ. Chậm nhất là năm (5) ngày, kể từ ngày Trưởng Phòng Thi hành án yêu cầu, các cơ quan có liên quan phải cử người khác thay thế;

2. Giải quyết các yêu cầu của chủ nợ về việc thay đổi đại diện chủ nợ tham gia Tổ thanh toán tài sản, nếu xét thấy yêu cầu của chủ nợ nhằm bảo đảm tính khách quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Tổ thanh toán tài sản;

3. Giám đốc Sở Tư pháp là người quyết định cuối cùng về mọi khiếu nại trong việc thay đổi nhân viên Tổ thanh toán tài sản.

Điều 30. - Tổ thanh toán tài sản phải hoạt động theo đúng kế hoạch đã được Trưởng Phòng Thi hành án duyệt; định kỳ báo cáo tiến độ và tình hình thực hiện quyết định tuyên bố phá sản cho Trưởng Phòng Thi hành án. Tổ thanh toán tài sản sử dụng con dấu của Phòng Thi hành án để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 31. - Thủ tục bàn giao tài sản của Tổ quản lý tài sản cho Tổ thanh toán tài sản được quy định như sau:

1. Bàn giao toàn bộ và chi tiết từng tài sản của doanh nghiệp phá sản.

2. Lập biên bản bàn giao toàn bộ và chi tiết từng tài sản. Đối với trường hợp tài sản bị hư hỏng, mất mát, phải lập biên bản riêng cho từng trường hợp cụ thể và ghi rõ lý do, trách nhiệm cá nhân về việc hư hỏng, mất mát tài sản. Mọi biên

bản bàn giao tài sản phải có chữ ký của Thẩm phán, Tổ trưởng Tổ quản lý tài sản và Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản.

3. Kể từ ngày nhận xong bàn giao, Tổ thanh toán tài sản có trách nhiệm bảo quản toàn bộ tài sản và tài liệu, chứng từ có liên quan.

Điều 32. -

1. Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định thu hồi tài sản của doanh nghiệp phá sản đang do người khác quản lý. Khi thu hồi tài sản, Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản phải công bố quyết định tuyên bố phá sản và quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

2. Nếu phát hiện được tài sản của doanh nghiệp phá sản bị chiếm giữ bất hợp pháp mà chưa được Tổ quản lý tài sản bàn giao thì Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định thu hồi theo đúng thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều này; đồng thời phải lập biên bản kiểm kê, xác minh thực trạng và bổ sung vào tài sản của doanh nghiệp phá sản để có biện pháp xử lý chung.

3. Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có thể yêu cầu các cơ quan Nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản;

4. Việc thu hồi tài sản của doanh nghiệp phá sản quy định tại Điều 45 Luật Phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quyết định của Tòa án.

Điều 33. -

1. Trưởng Phòng Thi hành án có trách nhiệm thành lập Hội đồng định giá tài sản của doanh nghiệp bị phá sản. Thành phần Hội đồng định giá gồm:

a) Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện Sở Tài chính, do Giám đốc Sở Tài chính chỉ định;

c) Đại diện một số cơ quan có liên quan, theo đề nghị của Trưởng Phòng Thi hành án, do từng cơ quan đó cử;

d) Trưởng Phòng Thi hành án mời chủ nợ có tài sản bảo đảm, cá nhân hoặc đại diện đơn vị đã mua tài sản của doanh nghiệp phá sản sáu (6) tháng trước khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp tham gia Hội đồng khi định giá các tài sản đó;

đ) Đại diện chủ nợ, đại diện công đoàn hoặc đại diện người lao động được quyền tham gia ý kiến vào việc định giá tài sản, nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Hội đồng định giá có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Định giá toàn bộ tài sản trước khi bán đấu giá;

b) Định giá tài sản đã là vật bảo đảm các khoản nợ vay, tài sản mà doanh nghiệp đã bán sáu (6) tháng trước khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản.

3. Hội đồng định giá quyết định theo đa số; trong trường hợp ý kiến ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

Điều 34. -

1. Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có nhiệm vụ tổ chức bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp bị phá sản. Việc bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp bị phá sản phải theo đúng quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự, các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này và phải đăng trên báo ra hàng ngày của Trung ương, địa phương trong ba (3) số liên tiếp, ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tổ chức bán đấu giá;

2. Việc bán tài sản cấm hoặc hạn chế lưu thông trên thị trường phải tuân theo các quy định có liên quan của Nhà nước.

Điều 35. -

1. Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản phải mở tài khoản phá sản doanh nghiệp tại Ngân hàng chậm nhất sau năm (5) ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Tổ thanh toán tài sản và làm chủ tài khoản phá sản.

2. Toàn bộ các khoản tiền thu được của doanh nghiệp phá sản phải được gửi vào tài khoản phá sản doanh nghiệp chậm nhất là sau ba (3) ngày, kể từ ngày thu; nếu gửi chậm phải chịu phạt theo mức lãi suất cho vay cao nhất do Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ để áp dụng trong quan hệ cho vay giữa Ngân hàng Thương mại với các tổ chức kinh tế.

Điều 36. -

1. Việc phân chia giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp phá sản cho các chủ nợ phải theo đúng phương án ghi trong quyết định tuyên bố phá sản và theo trình tự ưu tiên như quy định tại Điều 39 của Luật Phá sản doanh nghiệp.

2. Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản phải lập phương án thanh toán cụ thể cho từng đợt và báo cáo Trưởng Phòng Thi hành án quyết định trước khi tổ chức thực hiện.

3. Nếu chủ nợ có tài khoản tại Ngân hàng thì Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của chủ nợ. Trong trường hợp chủ nợ không có tài khoản tại Ngân hàng thì Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản thông báo cho chủ nợ đến nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Cuộc phí bưu điện được trừ vào số tiền chủ nợ được nhận.

Điều 37. -

1. Chậm nhất là bảy (7) ngày, kể từ ngày thanh toán hết tài sản phá sản, Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản phải làm báo cáo về việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Báo cáo thi hành quyết định tuyên bố phá sản phải được gửi cho Trưởng Phòng Thi hành án và niêm yết công khai tại trụ sở Phòng Thi hành án.

2. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày báo cáo thi hành án được niêm yết mà không có chủ nợ nào khiếu nại thì Trưởng Phòng Thi hành án ra quyết định chấm dứt việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản và kết thúc hoạt động Tổ thanh toán tài sản.

3. Trưởng Phòng Thi hành án gửi báo cáo thi hành quyết định tuyên bố phá sản và báo cáo kết thúc việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản cho Tòa án đã giải quyết việc phá sản, Cục Quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và cơ quan đã cấp đăng ký kinh doanh để xóa tên doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp phá sản là doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội, thì các báo cáo trên đây còn phải được gửi cho cơ quan, tổ chức đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp và cơ quan tài chính cung cấp.

Điều 38. - Trưởng Phòng Thi hành án nếu chậm ra quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản, quyết định thành lập Tổ thanh toán tài sản và các quyết định khác thuộc thẩm quyền của mình hoặc quyết định sai thì tùy tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 39. - Tổ trưởng và các nhân viên Tổ thanh toán tài sản, tùy tính chất và mức độ vi phạm, trong các trường hợp sau đây, có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường:

1. Cố ý kê biên tài sản không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp phá sản hoặc tài sản không thuộc diện kê biên; kê biên sót, kê biên không đúng thủ tục do pháp luật quy định;

2. Thành lập Hội đồng định giá, tổ chức bán đấu giá không đúng thủ tục quy định;

3. Không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo quản tài sản hoặc có những hành vi làm thất thoát, hư hỏng tài sản;

4. Thực hiện phân chia tài sản không đúng với phương án thanh toán đã được Trường Phòng Thi hành án duyệt;

5. Sử dụng trái phép tài sản của doanh nghiệp phá sản;

Lập báo cáo về thực hiện quyết định tuyên bố phá sản không trung thực.

Điều 40.-

1. Các quyết định của Trường Phòng Thi hành án, của Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản có giá trị bắt buộc thi hành đối với mọi cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Người nào cố tình không chấp hành quyết định của Trường Phòng thi hành án, của Tổ trưởng Tổ thanh toán tài sản thì tùy tính chất và mức độ vi phạm, có thể bị thi hành kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

XI. VỀ CHI PHÍ PHÁ SẢN

Điều 41. -

1. Chi phí giải quyết phá sản bao gồm:

a) Lệ phí Tòa án giải quyết việc phá sản, do Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật về lệ phí;

b) Chi phí kê biên, vận chuyển, thu hồi, giám định, bảo quản, tổ chức bán đấu giá tài sản; chi

phí cho việc triệu tập và tiến hành Hội nghị chủ nợ (không bao gồm chi phí đi lại và ăn ở của các chủ nợ) được thanh toán theo thực chi do Thẩm phán phụ trách việc giải quyết vụ kiện phá sản xét duyệt; chi phí liên quan đến việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thanh toán theo thực chi trên cơ sở quyết định của Trường Phòng Thi hành án;

c) Mức thù lao mỗi ngày làm việc cho mỗi thành viên Tổ quản lý tài sản, Tổ thanh toán tài sản, Hội đồng định giá và những người tham gia cưỡng chế thi hành các quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết việc phá sản được tính bằng một ngày tiền công tác phí theo quy định của Nhà nước.

2. Lệ phí và các chi phí nói tại Khoản 1 Điều này được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp bị phá sản.

XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. - Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn cụ thể về quy chế làm việc của Tổ quản lý tài sản và Tổ thanh toán tài sản.

Điều 43. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 44. - Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT